

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

Tên chương trình:	Truyền thông đa phương tiện (Multimedia Communications)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Truyền thông đa phương tiện
Mã ngành:	7320104
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chương trình (POs)

Đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, có kiến thức và kỹ năng căn bản mỹ thuật ứng dụng, thiết kế đồ họa, truyền thông đại chúng và công nghệ truyền thông.

- **Giai đoạn 1:** Mục đích giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về văn hóa nghệ thuật và báo chí truyền thông. Nhiệm vụ giai đoạn này đào tạo đạt được kỹ năng nhận diện tác phẩm, phân tích tác phẩm và hiện tượng văn hóa nghệ thuật mà sinh viên nhóm ngành văn hóa nghệ thuật cần đạt được. Đồng thời có kỹ năng cơ bản về tổng hợp và nắm bắt thông tin về một sự kiện hoặc một vấn đề có liên quan để thực hiện truyền tải trong quá trình tác nghiệp.

- **Giai đoạn 2:** Mục đích giúp cho sinh viên nắm vững kiến về sáng tác, mỹ thuật tạo hình đồng thời hiểu được nguyên lý thiết kế đồ họa và kiến thức chuyên sâu về công nghệ truyền thông. Nhiệm vụ giai đoạn này đào tạo đạt được kỹ năng về cách làm báo và truyền tải thông tin đại chúng trên mọi bình diện phương tiện xã hội. Đồng thời, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng sáng tạo, thiết kế đồ họa truyền thông với các sản phẩm đồ họa phim, quảng cáo và thiết kế Web... Sau khi hoàn thiện chương trình đại học, sinh viên có thể có các kiến thức lý luận lịch sử mỹ thuật và mỹ thuật tạo hình; truyền thông và báo chí để có thể tham gia làm việc tại các công ty mỹ thuật ứng dụng, truyền thông đa phương tiện (công nghệ truyền thông), báo đài hoặc lĩnh vực đa văn hóa, đa phương tiện.

1.2 Mục tiêu cụ thể

TT	Nội dung
1	PO1: Áp dụng tốt kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn vào giải quyết các vấn đề trong suốt quá trình học tập, lao động, sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông đại chúng và đồ họa truyền thông.
2	PO2: Có kiến thức cơ bản về báo chí và công nghệ truyền thông để tham gia vào trong quá làm việc tại các công ty truyền thông, quảng cáo và báo đài.
3	PO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá và trình bày một sự kiện văn hóa nghệ thuật, sự kiện xã hội cũng như trình bày được một kịch bản truyền thông bằng đồ họa vi tính. Phát triển tốt kỹ năng ngoại ngữ – tin học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khai thác tư liệu tiếng anh chuyên ngành đồ họa truyền thông và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, đa lĩnh vực.
4	PO4: Có khả năng thực hiện công việc của nhà đồ họa mỹ thuật truyền thông (Multi Media art designer) : Quản lý truyền thông đại chúng; Hoàn thành kịch bản một sự kiện xã hội, văn hóa nghệ thuật; Truyền tải thông tin trước công chúng; Thiết kế các trang báo và tạp chí; Thiết kế quảng cáo (Advertising Designer); Tổ chức sự kiện; Thiết kế và lập trình Web; Thiết kế ứng dụng cho điện thoại và smart book; Thiết kế các đoạn phim quảng cáo ngắn bằng cách xử lý ảnh, After effect, Premiere; thiết kế đồ họa game, xây dựng nhân vật.
5	PO5: Có ý thức chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật chung của nhà nước, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân. Xây dựng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tác phong của một người nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực truyền thông đại chúng. Chủ động khai thác nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế để hình thành năng lực thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc đa lĩnh vực, đa văn hóa.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp có thể tham gia công tác với các vị trí như sau:

- Làm việc tại công ty thiết kế quảng cáo (Advertising Designer), Tổ chức sự kiện, marketing online.
- Làm việc tại công ty truyền thông đa phương tiện: Thiết kế Web; Thiết kế ứng dụng cho điện thoại và smart book; Sản xuất video; quản trị kênh truyền thông online
- Làm việc như một phóng viên tại các cơ quan báo chí; Biên tập viên truyền hình.
- Công việc của nhà quản lý và sáng tạo truyền thông.
- Làm việc tại nhà xuất bản, các công ty in ấn.
- Có thể hoạt động độc lập mở công ty, doanh nghiệp chuyên về truyền thông đa phương tiện.
- Tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo có chuyên ngành thiết kế đồ họa, truyền thông đại chúng.

1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp có thể tham gia học tập các chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Truyền thông, Báo chí, Thiết Kế Đồ Họa; Tiến sĩ ngành Lý luận & Lịch sử mỹ thuật ứng dụng Nghệ thuật tạo hình, Lý luận & Lịch sử mỹ thuật trong nước và ngoài nước.

1.5 Trình độ ngoại ngữ, tin học:

Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Nam Cần Thơ. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo.

Đạt trình độ tin học: Có kiến thức và kỹ năng tin học văn phòng thành thạo đủ để phục vụ công tác chuyên môn.

2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ.

3. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường Đại học Nam Cần Thơ

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

5. Thang điểm: Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

6. Nội dung chương trình:

TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
A. Kiến thức giáo dục đại cương		33	31	2
1. Lý luận chính trị		11	11	0
1	Triết học	3	3	
2	Kinh tế chính trị	2	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
2. Khoa học xã hội – nhân văn		4	2	2
6	Pháp luật đại cương	2	2	
7	Logic học đại cương	2		2
8	Xã hội học đại cương	2		
9	Tâm lý học đại cương	2		
3. Ngoại ngữ		9	9	0
10	Anh văn căn bản 1	3	3	

TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
11	Anh văn căn bản 2	3	3	
12	Anh văn căn bản 3	3	3	
4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường		9	9	0
13	Toán cao cấp 1	3	3	
14	Toán cao cấp 2	3	3	
15	Tin học căn bản	3	3	
5. Giáo dục thể chất		3*	3	0
16	Giáo dục thể chất 1	1	1	
17	Giáo dục thể chất 2	1	1	
18	Giáo dục thể chất 3	1	1	
6. Giáo dục quốc phòng – an ninh		8*	8	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
7. Kiến thức cơ sở ngành		37	33	4
19	Toán rời rạc	3	3	
20	Hình họa cơ bản	3	3	
21	Hình họa nâng cao	3	3	
22	Xây dựng bản vẽ kỹ thuật	3	3	
23	Bố cục màu	2	2	
24	Giải phẫu tạo hình	2	2	
25	Ngôn ngữ đa phương tiện	3	3	
26	Kỹ thuật nhiếp ảnh	2	2	
27	Biên tập audio và video	2	2	
28	Dựng hình 3D cơ bản	3	3	
29	Dựng hình 3D nâng cao	3	3	
30	Kịch bản truyền thông	2	2	
31	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	2	2	
<i>Học phần tự chọn cơ sở ngành 1</i>		4		4
32	Lý thuyết truyền thông	2		4
33	Ngôn ngữ truyền thông	2		
34	Tâm lý học truyền thông	2		
35	Công chúng truyền thông	2		
8. Kiến thức chuyên ngành		45	35	10
36	Công nghệ truyền thông đa phương tiện	2	2	

TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
37	Đồ họa máy tính	3	3	
38	Đồ họa 2D ứng dụng 1	2	2	
39	Đồ họa 2D ứng dụng 2	2	2	
40	Đồ họa xử lý ảnh	2	2	
41	Lập trình hướng đối tượng	3	3	
42	Hệ điều hành	3	3	
43	Lập trình C++	2	2	
44	Kỹ thuật lập trình	3	3	
45	Bảo mật thông tin đa phương tiện	2	2	
46	Bảo hộ kiểu dáng và thiết kế công nghiệp	2	2	
47	Quản lý dự án đa phương tiện	2	2	
48	Thiết kế web	2	2	
49	Thiết kế hình hiệu	2	2	
50	Đồ án TVC	3	3	
<i>Học phần tự chọn chuyên ngành 1</i>		5		5
51	Lập trình Web	2		5
52	Lập trình C#	3		
53	Lập trình đồ họa	2		
<i>Học phần tự chọn chuyên ngành 2</i>		5		5
54	Trò chơi đa phương tiện	2		5
55	Kỹ xảo điện ảnh truyền hình	2		
56	Xây dựng phim hoạt hình 2D	2		
57	Dựng phim hoạt hình	3		
58	Điều khiển mô hình 3D	3		
9. Kiến thức bổ trợ		4	4	0
59	Nguyên lý thị giác	2	2	
60	Mỹ thuật đại cương	2	2	
10. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận		14	14	0
61	Thực tập chuyên ngành	4	4	
62	Khóa luận tốt nghiệp	10		
<i>Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		10	10	
63	Công nghệ web 3D	2	2	
64	Công nghệ thực tại ảo	3	3	

TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
65	Dịch vụ và cơ sở hạ tầng điện toán đám mây	3	3	
66	Thương mại điện tử	2	2	
Tổng cộng		136	120	16

Kế hoạch đào tạo (dự kiến)

TT	Tên học phần	Số TC	Số TC			Học kỳ	Loại HP
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
1	Triết học	2	30	30	0	1	Bắt buộc
2	Kinh tế chính trị	2	30	30	0	2	Bắt buộc
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	3	Bắt buộc
4	Giáo dục thể chất 1	1*	30	0	30	1	Bắt buộc
5	Giáo dục thể chất 2	1*	30	0	30	2	Bắt buộc
6	Giáo dục thể chất 3	1*	30	0	30	3	Bắt buộc
7	Giáo dục QP-AN	8*	165	75	90	1	Bắt buộc
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	4	Bắt buộc
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	5	Bắt buộc
10	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	1	Môn tự chọn GDĐC
11	Tâm lý học đại cương	2	30	30	0	1	Môn tự chọn GDĐC
12	Anh văn căn bản 1	3	45	45	0	1	Bắt buộc
13	Anh văn căn bản 2	3	45	45	0	2	Bắt buộc
14	Anh văn căn bản 3	3	45	45	0	3	Bắt buộc
15	Toán cao cấp 1	3	45	45	0	3	Bắt buộc
16	Toán cao cấp 2	3	45	45	0	4	Bắt buộc
17	Tin học căn bản	3	60	30	30	1	Bắt buộc
18	Toán rời rạc	3	45	45	0	4	Bắt buộc
19	Hình họa cơ bản	3	60	30	30	1	Bắt buộc

TT	Tên học phần	Số TC	Số TC			Học kỳ	Loại HP
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
20	Hình họa nâng cao	3	60	30	30	2	Bắt buộc
21	Xây dựng bản vẽ kỹ thuật	3	60	30	30	4	Bắt buộc
22	Bộ cục màu	2	30	30	0	2	Bắt buộc
23	Giải phẫu tạo hình	2	30	30	0	4	Bắt buộc
24	Ngôn ngữ đa phương tiện	3	45	45	0	5	Bắt buộc
25	Kỹ thuật nhiếp ảnh	2	30	30	0	3	Bắt buộc
26	Biên tập audio và video	2	45	15	30	5	Bắt buộc
27	Dựng hình 3D cơ bản	3	60	30	30	6	Bắt buộc
28	Dựng hình 3D nâng cao	3	60	30	30	7	Bắt buộc
29	Kịch bản truyền thông	2	30	30	0	6	Bắt buộc
30	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	2	30	30	0	2	Bắt buộc
31	Lý thuyết truyền thông	2	30	30	0	2	Môn học tự chọn CSN I
32	Ngôn ngữ truyền thông	2	30	30	0	2	Môn học tự chọn CSN I
33	Công nghệ truyền thông đa phương tiện	2	30	30	0	7	Bắt buộc
34	Đồ họa máy tính	3	60	30	30	3	Bắt buộc
35	Đồ họa 2D ứng dụng 1	2	45	15	30	5	Bắt buộc
36	Đồ họa 2D ứng dụng 2	2	45	15	30	6	Bắt buộc
37	Đồ họa xử lý ảnh	2	30	30	0	3	Bắt buộc
38	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	30	5	Bắt buộc
39	Hệ điều hành	3	60	30	30	5	Bắt buộc

TT	Tên học phần	Số TC	Số TC			Học kỳ	Loại HP
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
40	Lập trình C++	2	45	15	30	6	Bắt buộc
41	Kỹ thuật lập trình	3	60	30	30	5	Bắt buộc
42	Bảo mật thông tin đa phương tiện	2	30	30	0	7	Bắt buộc
43	Bảo hộ kiểu dáng và thiết kế công nghiệp	2	30	30	0	6	Bắt buộc
44	Quản lý dự án đa phương tiện	2	30	30	0	7	Bắt buộc
45	Thiết kế web	2	45	15	30	7	Bắt buộc
46	Thiết kế hình hiệu	2	45	15	30	4	Bắt buộc
47	Đồ án TVC	3	45	45	0	8	Bắt buộc
48	Lập trình Web	2	45	15	30	6	Học phần tự chọn CN1
50	Lập trình đồ họa	3	60	30	30	6	Học phần tự chọn CN1
53	Xây dựng phim hoạt hình 2D	2	30	30	0	7	Học phần tự chọn CN2
54	Dựng phim hoạt hình	3	60	30	30	7	Học phần tự chọn CN2
56	Nguyên lý thị giác	2	30	30	0	4	Bắt buộc
57	Mỹ thuật đại cương	2	30	30	0	3	Bắt buộc
58	Thực tập chuyên ngành	4	120	0	120	8	Bắt buộc
59	Khóa luận tốt nghiệp	10	300	0	300	8	SV có thể chọn làm KLTN hoặc học môn thay thế KLTN
60	Công nghệ web 3D	2	45	15	30	8	Môn thay thế KLTN
61	Công nghệ thực tại ảo	3	60	30	30	8	Môn thay thế KLTN

TT	Tên học phần	Số TC	Số TC			Học kỳ	Loại HP
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
62	Dịch vụ và cơ sở hạ tầng điện toán đám mây	3	60	30	30	8	Môn thay thế KLTN
63	Thương mại điện tử	2	30	30	0	8	Môn thay thế KLTN

7. Hướng dẫn thực hiện:

7.1. Tiết giảng quy đổi

- 01 tín chỉ (tc) = 15 tiết học lý thuyết
- = 30 - 45 tiết thảo luận
- = 30 giờ chuẩn bị cá nhân
- = 40 - 90 giờ thực tập tại cơ sở
- = 45 - 60 giờ làm tiêu luận, khóa luận tốt nghiệp

7.2. Tính liên thông

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

7.3. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

1. Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

2. Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng;

3. Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Hàng năm, phần kiến thức tự chọn có thể được thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập. Ngoài ra còn có môn học Thực hành tại doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp (DN) từ năm thứ 2, dự kiến sẽ triển khai vào học kỳ 5 hoặc 6 của khóa học. Tùy theo nhu cầu của các DN, Khoa sẽ có kế hoạch triển khai cho từng

nhóm lớp cụ thể nếu theo học môn học này sẽ được giảm 1 môn trong phần kiến thức tự chọn;

4. Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết;

5. Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

7.4. Định hướng phương pháp dạy học

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập.

Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 4,0 năm.